

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2021.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Danh.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2115/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXX-ST ngày 26/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: C83B khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh Trương Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 74/4/11 (số cũ 13P), khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trương Ngọc T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H cũ (nay là phường), thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 21/9/2016. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau, anh T thường xuyên đánh đập chị. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, chị về nhà mẹ ruột sống. Chị xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Hồng A, sinh ngày 13/7/2017, hiện cháu Hồng A đang ở với chị. Ly hôn chị Phạm Thị Thu T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Hồng A, không yêu cầu anh Trương Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 01/12/2020 bị đơn anh Trương Ngọc T trình bày:
Anh và chị T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc. Về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T hay trốn làm đi chơi, mẹ của anh bị tai biến nhưng chị T không chăm sóc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cự cãi, xô xát nhau, chị T dẫn con về nhà ngoại sống. Anh có gặp đề nghị chị T quay về nhưng chị T không đồng ý. Anh muốn hàn gắn với vợ con để tiếp tục chung sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Hồng A, sinh ngày 13/7/2017. Nếu ly hôn, anh cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồng A.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được thông qua tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T, về con chung đề nghị giao cháu Trương Hồng A cho chị Phạm Thị Thu T

trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Trương Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Chị Phạm Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Ngọc T. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị T là nguyên đơn, anh T là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trương Ngọc T có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Ngọc T được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trương Ngọc T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H cũ (nay là phường H), thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 21/9/2016. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp.

Anh T và chị T đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 8 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân đến khi chị T khởi kiện.

Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, tại bản tự khai anh T trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, cho thấy anh T cũng không muốn hòa giải đoàn tụ, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Phạm Thị Thu T và anh Trương Ngọc T ngày 28/12/2020, Công an Phường H cung cấp: “Chị T và anh T có xảy ra xô xát vào khoảng tháng 8 năm 2020, Công an phường có lập biên bản và giáo dục các bên theo quy định của pháp luật”.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là có thật, đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu T đối với anh Trương Ngọc T.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T có 01 con chung tên Trương Hồng A, sinh ngày 13/7/2017. Ly hôn chị Phạm Thị Thu T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồng A, anh T cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Hồng A tuy nhiên anh không có ý kiến cụ thể về yêu cầu nuôi con chung cũng như cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con. Chị T có nguyện vọng nuôi con, đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Hồng A, có công việc, thu nhập ổn định đủ để nuôi con (bút lục 43, 44). Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Trương Hồng A cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đặt ra xem xét.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T đối với anh Trương Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Trương Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Hồng A, sinh ngày 13/7/2017 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Trương Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không không đặt ra xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu Tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0006919 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chị T đã nộp đủ án phí.

3. Chị Phạm Thị Thu T, anh Trương Ngọc T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú